

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ VĨNH CHÂU  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 06/5/2024

*V/v ly hôn, tranh chấp*

*Nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Dương Chiêu Hùng.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Lê Thanh Đẹp - Kiểm sát viên.

Ngày 06/5/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 10 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25/3/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Lý Ngọc N, sinh năm 1996. Địa chỉ: Nhà không số, khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin vắng xét xử mặt).

- **Bị đơn:** Anh Võ Văn N1, sinh năm 1994. Địa chỉ: Nhà không số, khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023 (BL01) Biên bản ghi lời khai ngày 18/10/2023 (BL24) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lý Ngọc N trình bày: Vào năm 2015 chị N và anh N1 có tổ chức lễ cưới và có đi đăng ký kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 23/01/2016. Sau khi kết hôn, chị N và anh N1 sống chung tại nhà cha mẹ chị N ở khóm B Trên A, phường V, thị xã V. Thời gian đầu chị N và anh N1 chung sống rất hạnh phúc, nhưng sau đó dần phát hiện cả hai không đồng quan điểm, không hợp tính tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên tình cảm ngày càng rạn nứt kể từ cuối năm 2019 cho đến nay không thể hàn gắn được. Trong thời gian chung sống với nhau hai vợ chồng có 02 người con chung gồm các cháu: Võ Ngọc Khả H (Nữ), sinh ngày

01/04/2017 và cháu Võ Thiên Ân (N2), sinh ngày 11/09/2019. Hiện nay, cả hai cháu H và Ân đều đang sống chung với chị N.

Nay nhận thấy hai vợ chồng tình cảm đã không còn, hạnh phúc hôn nhân tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Lý Ngọc N được ly hôn với anh Võ Văn N1. Về con chung: Chị N yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Võ Ngọc Khả H và cháu Võ Thiên Ân không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N1 nhưng anh N1 không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị N, đồng thời anh N1 cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh N1; Về con chung: giao con chung Võ Ngọc Khả H (Nữ), sinh ngày 01/04/2017 và cháu Võ Thiên Ân (N2), sinh ngày 11/09/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu H, Ân đủ 18 tuổi và cũng theo nguyện vọng của cháu H nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu H có nguyện vọng sống chung với mẹ. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh N1 phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: chị N khẳng định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh Võ Văn N1, nhưng anh N1 vắng mặt không có lý do, chị Lý Ngọc N có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh N1 theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 09/10/2023 chị Lý Ngọc N yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn N1 có nơi cư trú tại khóm B, phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều

35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lý Ngọc N, nhận thấy chị N và anh N1 tự nguyện sống chung với nhau vào năm 2015, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/01/2016. Quan hệ hôn nhân của chị N và anh N1 không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Chị N nhận thấy sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ chồng với anh N1 nên có nguyện vọng ly hôn. Chị N và anh N1 đã không còn chung sống với nhau từ cuối năm 2021 cho đến nay, từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh N1.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị N và anh N1 có 02 con chung tên Võ Ngọc Khả H (N3), sinh ngày 01/04/2017 và cháu Võ Thiên Ân (N2), sinh ngày 11/09/2019 hiện đang do chị N nuôi dưỡng và ý kiến trình bày của cháu H nếu cha mẹ không còn chung sống với nhau, cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Để đảm bảo cuộc sống của cháu H không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Võ Ngọc Khả H (Nữ), sinh ngày 01/04/2017 và cháu Võ Thiên Ân (N2), sinh ngày 11/09/2019 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu H, Ân đủ 18 tuổi. Xét thấy, chị N hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh N1 phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị N khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị N khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Ngọc N đối với bị đơn anh Võ Văn N1.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Ngọc N được ly hôn với anh Võ Văn N1.

- Về con chung: Giao con chung cháu Võ Ngọc K Hân (N3), sinh ngày 01/04/2017 và cháu Võ Thiên Ân (N2), sinh ngày 11/09/2019 cho chị Lý Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu H, Ân đủ 18 tuổi.

Anh Võ Văn N1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh N1 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Võ Ngọc Khả H, cháu Võ Thiên Ân của chị Lý Ngọc N thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị N khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị N khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí sơ thẩm: Chị Lý Ngọc N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0008558, ngày 18/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị N đã thực hiện xong. Anh Võ Văn N1 không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người

phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- UBND phường Vĩnh Phước;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Dương Chiêu Hùng**